TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST Ngày 24 - 9 - 2025 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quốc Vương và Bà Trịnh Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị Nhật L, sinh năm 2000; nơi thường trú: thôn Đ, xã N, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: tổ A, khu N, phường Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xử án vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Đào Hoài N, sinh năm 1995; nơi thường trú: tổ F, khu S, phường Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên toà không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị Vũ Thị Nhật L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đào Hoài N tìm hiểu yêu đương và đi tới đăng ký kết hôn hợp pháp với nhau vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 3 năm. Sau khi kết hôn, anh chị không chung sống cùng nhau, chị sống và làm việc tại Hà Nội còn anh N sống và làm việc tại C. Đến tháng 10 năm 2024 chị mới chuyển về chung sống cùng anh N tại nhà của bố mẹ anh N ở tổ F, khu S, phường C, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh. Về chung sống khoảng hơn 1 tháng, hai vợ chồng đã phát

sinh mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2024 chị đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xa cách đã lâu, lối sống của chị L chưa hòa nhập được với gia đình nhà anh N, anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh N thường xuyên vắng nhà và không quan tâm đến vợ con. Chị L đã cố gắng làm hòa và tìm cách hàn gắn nhưng anh N không thay đổi nên mâu thuẫn không khắc phục được. Bố mẹ hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng anh chị vẫn không khắc phục được. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N. Dù anh N không đồng ý ly hôn, chị vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Đào Hoài N.

- Về con chung: chị và anh Đào Hoài N có 01 con chung là Đào Duy P, sinh ngày 16/02/2023. Do con chung còn nhỏ và từ khi ly thân con chung vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, chị đã yêu cầu anh Đào Hoài N cấp dưỡng cho con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, hiện tại anh N có việc làm và thu nhập không ổn định, anh N vẫn có trách nhiệm với con, vẫn thăm nom con và chăm sóc con nên chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Đào Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc ly hôn, con chung, tài sản và công nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Nhật L, chị L được ly hôn với anh Đào Hoài N; về con chung: giao con chung Đào Duy P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng cho con, anh N được quyền thăm con chung không ai được cản trở; về tài sản, công nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, quan điểm trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đào Hoài N hiện cư trú tại phường Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị Vũ Thị Nhật L khởi kiện xin ly hôn với anh N thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội), điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Đào Hoài N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đã triệu tập hợp lệ anh N lần thứ hai mà anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; chị Vũ Thị Nhật L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử án vắng mặt nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của chị Vũ Thị Nhật L, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị Nhật L và anh Đào Hoài N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C (nay là phường Q, tỉnh Quảng Ninh) vào năm 2022. Sau khi kết hôn, anh chị không chung sống cùng nhau mà chỉ ở cùng nhau khoảng 2 tháng tại nhà anh N và bắt đầu sống ly thân từ cuối năm 2024. Cuộc sống chung tuy ngắn ngủi nhưng ngay khi về chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, to tiếng và không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do bất đồng quan điểm nên đã xảy ra cãi nhau và phải sống ly thân. Anh chị đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Chị L kiên quyết xin ly hôn với anh N. Lời khai của chị L cơ bản phù hợp với kết quả kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú thể hiện: "Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào khu phố không nắm được nhưng chị L và anh N chỉ ở với nhau khoảng hơn 1 tháng thì chị L dọn ra ngoài thuê nhà ở, anh N và chị L thường xuyên xảy ra cãi vã". Bản thân anh N khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh N cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị L xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không có, quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh N.

- Về con chung: chị L và anh N có 01 con chung là Đào Duy P, sinh ngày 16/02/2023. Khi ly hôn, chị L có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, đại diện khu phố có quan điểm "Cháu P lúc ở với bố, lúc ở với mẹ. Tuy nhiên, anh N thường xuyên đi làm, không ở nhà nên việc chăm sóc cháu P chủ yếu là ông bà nội. Còn chị L thì làm ở gần đây nên thường xuyên đưa đón và chăm sóc cháu P….". Hội đồng xét xử thấy rằng: con chung Đào Duy P còn nhỏ (chưa đủ 3 tuổi) nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa anh N thường xuyên đi làm, không ở nhà, chị L lại có trách nhiệm với việc nuôi dưỡng và chăm sóc con. Bản thân anh N không đến Toà án để tham gia tố tụng nên cũng không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con. Do vậy, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị L là chính đáng và phù hợp. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện về sự phát triển cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị L có quan điểm yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng nhưng tại đơn xin xử án vắng mặt chị L rút yêu cầu buộc anh N cấp dưỡng cho con vì anh N không có việc làm và thu nhập ổn định, anh N vẫn có trách nhiệm với con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L vẫn có quyền khởi kiện vụ án yêu cầu cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn đối với anh N. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

[3]Về án phí: chị L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội); điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Nhật L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Nhật L được ly hôn với anh Đào Hoài N.

2. Về con chung: giao con chung Đào Duy P, sinh ngày 16/02/2023 cho chị Vũ Thị Nhật L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đào Hoài N không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000029 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDKV3 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hải Lê